TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2024
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Thanh Hải

2. Bà Hà Thị Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thuỳ Dương; Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1979; Nơi đăng ký thường trú: Xóm L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ hiện nay: Số 247 đường Xinglong, quận W, thành phố T, Đài Loan; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1976; Nơi thường trú: Xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị Phạm Thị N và anh Đinh Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam ngày 27 tháng 12 năm 2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hòa T, hạnh phúc. Năm 2002, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi với nhau do bất đồng quan điểm sống, tình cảm hai vợ chồng không còn như trước. Đầu năm 2004, chị N sang Đài Loan sinh sống và làm việc, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Mặc dù hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có tiến triển tốt. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, yêu cầu ly hôn với anh Đinh Văn T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đinh Thị Hoài T, sinh ngày 15/6/2001, hiện đã đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N có 01 con riêng là Phạm Gia A, sinh ngày 19/11/2018 tại thành phố Đ, Đài Loan. Chị N đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ cha, con giữa anh Đinh Văn T và cháu Phạm Gia A.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đinh Văn T được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không hợp tác, không đến Toà án để giải quyết, nên không xác định được quan điểm của anh T về yêu cầu ly hôn của chị N.

Tại biên bản xác minh của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với Công an xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên ngày 30/5/2024, xác định: Anh Đinh Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú cùng hộ gia đình với ông Đinh Văn Tlà bố đẻ anh T, tại Xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; hiện tại anh T không có mặt tại địa phương.

Tại biên bản xác minh ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Đinh Văn Thảo, có chứng kiến của cán bộ Công an xã La Hiên, huyện Võ Nhai, ông Đinh Văn Tlà bố đẻ anh T cung cấp: Anh T là con trai ông Thảo, hiện nay anh T đang làm ở huyện H, tỉnh N, địa chỉ cụ thể của anh T ông không rõ. Anh T thi thoảng có về và gọi điện về nhà. Anh T biết việc chị N khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, anh T không đồng ý việc ly hôn với chị N, yêu cầu Tòa án triệu tập chị N về để trực tiếp gặp mặt giải quyết.

Ông Txác định anh T và chị N kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn, có 01 con chung là Đinh Thị Hoài T, sinh năm 2001, hiện nay đang đi làm tại Hà Nội. Chị N đi Đài Loan từ năm 2004 và chưa trở về Việt Nam từ đó tới nay. Về tài sản chung, nợ chung, ông xác định anh T và chị N không có. Về việc anh T và chị N ly hôn, ông T không đồng ý, ông đề nghị chị N về nước để ba mặt một lời giải quyết.

Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông Đinh Văn T là bố đẻ của anh T, có cùng hộ khẩu thường trú với anh T nhất trí nhận thay những văn bản tố tụng trên và đồng ý giao cho anh T các văn bản trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N, cho chị N được ly hôn anh Đinh Văn T. Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Đinh Thị Hoài T, sinh năm 2001, đã trưởng thành, không đề nghị giải quyết; không công nhận quan hệ cha, con giữa anh Đinh Văn T và cháu Phạm Gia A, sinh năm 2018. Về tài sản chung, nợ

chung, hai bên đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Chị Phạm Thị N là nguyên đơn có nơi thường trú trước khi xuất cảnh tại Xóm L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, địa chỉ hiện tại: Số 247 đường X, quận W, thành phố T, Đài Loan. Đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ của chị N đều có chứng thực của Văn phòng kinh tế Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc). Do đó, có đủ cơ sở xác định, nội dung các văn bản của chị Phạm Thị N nộp gửi cho Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là đúng ý chí, nguyện vọng của chị N.

Anh Đinh Văn T, sinh năm 1976, nơi thường trú: Xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Nguyên đơn, chị N đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt; bị đơn, anh Đinh Văn T đã được Toà án tống đạt văn bản tố tụng qua bố đẻ là ông Đinh Văn Tsống cùng hộ gia đình. Anh T biết việc chị N có đơn yêu cầu ly hôn và Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đang thụ lý giải quyết, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Đinh Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị N sinh sống hòa T, hạnh phúc. Năm 2002, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, năm 2004, chị N sang Đài Loan sinh sống và làm việc, vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay. Xét thấy, anh T và chị N đã sống ly thân nhau từ năm 2004 đến nay là 20 năm, chị N thừa nhận đã có con riêng với người khác tại Đài Loan, nên mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N, cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[2.2] Về con chung: Chị N xác định có 01 con chung là Đinh Thị Hoài T, sinh năm 2001, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động, Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Phạm Thị N khai có 01 con riêng là cháu Phạm Gia A, sinh ngày 19/11/2018 tại thành phố Đài Bắc, Đài Loan, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ cha - con giữa anh Đinh Văn T và cháu Phạm Gia A. Xét thấy, Theo Giấy khai sinh của cháu Phạm Gia A, có chứng nhận của Văn phòng kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, thể hiện cháu An sinh ngày 19/11/2018 tại Bệnh viện thành phố Đài Bắc, có mẹ là Phạm Thị N. Báo cáo xét nghiệm quan hệ cha, con giữa Phạm Gia A và LI, WUN – LI của Cục điều tra, Bộ tư pháp, có chứng nhận của Văn phòng kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc kết luận: Xác suất huyết thống cấp 1 cao hơn 99,99%, rất có khả năng LI, WUN – LI chính là cha ruột của Phạm Gia A. Chị Phạm Thị N cho rằng, anh Đinh Văn T và cháu Phạm Gia A không có quan hệ huyết thống cha - con là có căn cứ.

Chị Phạm Thị N yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận cháu Phạm Gia A, sinh ngày 19/11/2018 là con đẻ của anh Đinh Văn T là có căn cứ theo khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5] Thông báo quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, 38, 39, Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn ly hôn của chị Phạm Thị N đối với anh Đinh Văn T. Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Đinh Văn T có 01 con chung là Đinh Thị Hoài T, sinh ngày 15/6/2001, đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, Hội đồng xét xử không xem xét.

Xác định cháu Phạm Gia A, sinh ngày 19/11/2018 không phải là con đẻ của anh Đinh Văn T với chị Phạm Thị N.

3. Tài sản chung vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu, Toà án không giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào 300.000đ đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000159 ngày 28/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Anh Đinh Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm ngày), chị Phạm Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Q, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Quý Sửu